| TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG<br>TỈNH VĨNH LONG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày: 18/5/2023

V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Võ Tấn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân* :

**1.** Ông Trần Quang Đông

**2.** Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hoàng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp dân sự *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần N; trụ sở số M, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Kim K – Chức vụ: Phó Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền ngày 07/11/2022 (có mặt).

- **Bị đơn:** Huỳnh Mỹ H và Lê Hoàng S; cùng địa chỉ số A, đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (đều vắng mặt)

**NHẬN THẤY:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 23/11/2022 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải**

**quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim K đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:**

Do nhu cầu mở thẻ tín dụng của khách hàng, nên ngày 26/02/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh tỉnh Vĩnh Long (viết tắt là Ngân hàng) đã cấp cho bà Huỳnh Mỹ H thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa Classic với hạn mức là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Quá trình sử dụng thẻ, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết với Ngân hàng, nên ngày 20/7/2018, Ngân hàng đã khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và tiếp tục tính lãi và các loại phí phát sinh. Mặc dù, Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán nhưng bà H cố tình tránh né không thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 18/5/2023 bà H còn nợ Ngân hàng tiền gốc 9.734.000đ; tiền lãi 8.893.985đ; phí vượt hạn mức 24.257.140đ và phí chậm thanh toán 72.150.673đ. Tổng cộng bằng 115.035.856đ.

Do đó, bà Khuyến đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc, lãi và các loại phí bằng 115.035.856đ. Đồng thời, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Hoàng S, không yêu cầu ông S cùng trả nợ với bà H.

**Bị đơn Huỳnh Mỹ H, Lê Hoàng S** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện nghiêm túc.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Buộc bà Huỳnh Mỹ H trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi và các loại phí bằng 115.035.856đ và tiền lãi cùng phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 19/5/2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S cùng liên đới trả nợ.

- Buộc bà Huỳnh Mỹ H chịu 5.752.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về tố tụng**: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản, mục đích vay để tiêu dùng cho cá nhân, hợp đồng được thực hiện tại thành phố Vĩnh Long cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ bị đơn Huỳnh Mỹ H, Lê Hoàng S để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng các đương sự vẫn vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Hoàng S là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N, Hội đồng xét xử thấy**: Căn cứ giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/01/2016 cho thấy bà Huỳnh Mỹ H có ký văn bản để yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh Vĩnh Long để cấp thẻ tín dụng quốc tế là có thật, nên ngày 26/02/2016 Ngân hàng đã cấp và giao thẻ cho bà H với hạn mức 10.000.000đ. Xét thấy, hai bên ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch dân sự trên có hiệu lực theo quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Quá trình bà H sử dụng thẻ đến ngày 07/5/2018 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 4 của Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế; mặc dù, Ngân hàng ra thông báo nhắc nhở bà H thanh toán nhiều lần nhưng bà H vẫn cố tình né tránh không thanh toán. Tính đến ngày 18/5/2023, bà H còn nợ Ngân hàng tiền gốc 9.734.059đ; tiền lãi 8.893.984đ. Do đó, bà Khuyến đại diện cho Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán số tiền gốc, lãi bằng 18.628.043đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Riêng đối với phí vượt hạn mức 24.257.140đ và phí chậm thanh toán 72.150.673đ, Hội đồng xét xử thấy: Trong hợp đồng các bên có thỏa thuận việc thanh toán các khoản phí, nhưng không thể hiện mức phí cụ thể là bao nhiêu. Tại khoản 3 Điều 6 và điểm c khoản 1 Điều 20 của Quyết định số: 20/2007/QĐ-NHNN, ngày 15/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: Tổ chức phát hành thẻ có nghĩa vụ: "*Phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ*"; "*Công bố đầy đủ thông tin cho chủ thẻ về các loại phí mà chủ thẻ phải trả trước khi sử dụng thẻ (kể cả phí giao dịch thẻ khác hệ thống)*". Trong quá trình giải quyết, Tòa án thông báo yêu

cầu Ngân hàng cung cấp chứng cứ về việc Ngân hàng thương mại cổ phần N đã công bố các loại phí và mức phí cho bà H trước khi bà H sử dụng dịch vụ thẻ nhưng Ngân hàng không cung cấp được cho Tòa án và theo người đại diện Ngân hàng trình bày khi cho vay thẻ Ngân hàng đã giải thích các loại phí và mức phí cho bà H nhưng không có gì chứng minh.

[7] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng thừa nhận do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/7/2018 Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng cấp cho bà H, đồng thời, chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tổng cộng 10.121.078đ sang nợ quá hạn (trong đó nợ gốc 9.914.131đ; tiền lãi 156.947đ; phí chậm thanh toán 50.000đ) và không cung cấp bất cứ dịch vụ nào liên quan đến thẻ tín dụng cho bà H. Ngoài các tài liệu Ngân hàng cung cấp cũng như lời trình bày của người đại diện tại phiên tòa thì không thể hiện rõ việc sau khi chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sang dư nợ quá hạn và khóa thẻ tín dụng thì Ngân hàng có được quyền tiếp tục tính phí và ngừng cung cấp dịch vụ cho bà H hay không và cách thức tính phí ra sao, do đó việc Ngân hàng không tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc đã chuyển sang dư nợ quá hạn là 9.914.131đ mà tiếp tục tính các loại phí là không phù hợp, vì các khoản phí không còn phát sinh kể từ khi Ngân hàng khóa thẻ tín dụng của bà H.

[8] Tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*". Đối chiếu quy định này cho thấy, Ngân hàng dùng phương thức tính dư nợ cuối kỳ thành dư nợ đầu kỳ, số dư đầu kỳ cộng với tiền lãi, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán và các khoản phí khác của mỗi kỳ để tính phí phát sinh là chưa phù hợp, đây là hình thức tính phí chồng phí, phí chồng lãi; với cách tính lãi và phí như trên thì người vay phải chịu phí và lãi rất cao, bình quân trên 200%/năm (tháng 7/2018 dư nợ gốc quá hạn bằng 9.734.000đ nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm là tháng 5/2023 với tiền lãi và phí bằng 105.301.000đ). Từ những nhận trên, cho thấy việc Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả phí vượt hạn mức và phí chậm thanh toán là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về phần lãi suất quá hạn, do trong hợp đồng các bên không có thỏa thuận khoản lãi này và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn cũng không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[10] Về án phí:** Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 931.000đ và nguyên đơn chịu 4.820.000đ đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là chưa phù hợp với Hội đồng xét xử.

***Vì các lẽ trên,***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 244; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về nội dung**

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Buộc bà Huỳnh Mỹ H hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N các khoản tiền sau:

- Tiền gốc: 9.734.000đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng);

- Tiền lãi: 8.894.000đ (Tám triệu tám trăm chín mươi bốn ngàn đồng);

Tổng cộng bằng: 18.628.000đ (Mười tám triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc buộc bà Huỳnh Mỹ H phải trả tiền phí vượt hạn mức và phí chậm thanh toán tổng cộng bằng 96.408.000đ (Chín mươi sáu triệu bốn trăm lẻ tám ngàn đồng).

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc yêu cầu ông Lê Hoàng S phải có nghĩa vụ cùng với bà H trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

**2. Về án phí**

Buộc bà Huỳnh Mỹ H nộp 931.000đ (Chín trăm ba mươi mốt ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần N phải chịu 4.820.000đ (Bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.715.000đ (Một triệu bảy trăm mười lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001596, ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên Ngân hàng còn phải nộp thêm số tiền 3.105.000đ (Ba triệu một trăm lẻ năm ngàn đồng).

**3. Nghĩa vụ thi hành án**

*3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án*:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/5/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/01/2016, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

*3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự*:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo**:

Báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần N biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,…

**Võ Tấn Thành**